|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /BC-BGTVT | *Hà Nội, ngày tháng năm 2022* |

**BÁO CÁO**

**Phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động**

 **kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước**

**của Bộ Giao thông vận tải năm 2023**

Kính gửi: Thủ tướng Chính phủ

Thực hiện Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 12/5/2020 của Chính phủ ban hành Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh giai đoạn 2020 - 2025, Bộ Giao thông vận tải báo cáo kết quả rà soát, kiến nghị phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước năm 2023, cụ thể như sau:

**I. Kết quả rà soát, kiến nghị phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh năm 2023**

1. Tổng số quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong phương án cắt giảm, đơn giản hóa: 23/1.044 quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý. Trong đó:

- Lĩnh vực đường bộ: dự kiến cắt giảm, đơn giản hóa 13 quy định (3 điều kiện kinh doanh, 11 thủ tục hành chính)

- Lĩnh vực đăng kiểm: dự kiến cắt giảm, đơn giản hóa 4 quy định (1 điều kiện kinh doanh, 2 thủ tục hành chính, 1 chế độ báo cáo)

- Lĩnh vực đường thủy nội địa: dự kiến cắt giảm, đơn giản hóa 6 thủ tục hành chính

2. Tổng số văn bản có quy định liên quan đến hoạt động kinh danh được kiến nghị sửa đổi, bổ sung, thay thế, hủy bỏ, bãi bỏ trong phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

Số VBQPPL: 3

+ Số bộ luật: 0

+ Số Luật: 0

+ Số Nghị định: 4

+ Số Thông tư: 3

*(Chi tiết Phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải năm 2022 kèm theo Báo cáo này)*

**II. Kết quả cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh đã thực thi trong giai đoạn 2020 - 2022**

Tổng số quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh đã được cắt giảm, đơn giản hóa trong giai đoạn 2020-2022: 237/1.044 quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực giao thông vận tải, đạt 22.7%. Trong đó:

1. Tính đến ngày 31/12/2020, Bộ Giao thông vận tải đã cắt giảm, đơn giản hóa 29/1.044 quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Giao thông vận tải, bao gồm:

- 25 thủ tục hành chính trong lĩnh vực vận tải đường bộ đã được nâng mức cung cấp dịch vụ công trực tuyến từ mức độ 3 lên mức độ 4.

- 04 thủ tục hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng được đơn giản hóa thành phần hồ sơ, số lượng hồ sơ phải nộp cho doanh nghiệp tại Thông tư số 41/2020/TT-BGTVT ngày 31/12/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số [13/2019/TT-BGTVT](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/giao-thong-van-tai/thong-tu-13-2019-tt-bgtvt-huong-dan-chuong-trinh-an-ninh-hang-khong-410654.aspx) ngày 29 tháng 3 năm 2019 quy định chi tiết Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam.

Ngoài ra, trong năm 2020 Bộ Giao thông vận tải cũng đã chủ động rà soát, chuẩn hóa các chế độ báo cáo định kỳ trong lĩnh vực giao thông vận tải theo quy định tại Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24/1/2019 quy định về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước, theo đó Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải đã ban hành 05[[1]](#footnote-1) Thông tư thực thi việc chuẩn hóa các chế độ báo cáo.

2. Ngày 24/11/2021, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1977/QĐ-TTg phê duyệt phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải, theo đó cắt giảm, đơn giản hóa: 165/1.044 quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý, đạt 15.8%.

Triển khai thực hiện Quyết định số 1977/QĐ-TTg ngày 24/11/2021 và Nghị quyết số 03/NQ-CP ngày 10/1/2022, Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải đã ký Quyết định số 236/QĐ-BGTVT ngày 25/2/2022 ban hành Chương trình xây dựng văn bản QPPL để thực thi phương án cắt giảm, đơn giản hóa các quy định về hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Giao thông vận tải được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1977/QĐ-TTg ngày 24/11/2021. Theo đó, Bộ Giao thông vận tải sẽ thực hiện việc sửa đổi, bổ sung 04 Nghị định (để sửa 11 Nghị định) và 09 Thông tư (để sửa 27 Thông tư). Các văn bản văn bản quy phạm pháp luật này được xây dựng theo yêu cầu của Nghị quyết số 03/NQ-CP ngày 10/1/2022.

Bộ Giao thông vận tải đã trình Chính phủ 04 dự thảo Nghị định theo đúng kế hoạch, đến nay Chính phủ đã ban hành 04/04 Nghị định, bao gồm:

- Nghị định số 54/2022/NĐ-CP ngày 22/8/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số [78/2016/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/giao-thong-van-tai/nghi-dinh-78-2016-nd-cp-dieu-kien-kinh-doanh-dao-tao-thuyen-vien-nguoi-lai-phuong-tien-thuy-noi-dia-317349.aspx) ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa và Nghị định số [08/2021/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/giao-thong-van-tai/nghi-dinh-08-2021-nd-cp-quy-dinh-quan-ly-hoat-dong-duong-thuy-noi-dia-334649.aspx) ngày 28 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa.

- Nghị định số 64/2022/NĐ-CP ngày 15/9/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng không dân dụng.

- Nghị định số 69/2022/NĐ-CP ngày 23/9/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng hải.

- Nghị định số 70/2022/NĐ-CP ngày 27/9/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực đường bộ.

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải đã ban hành 09/09 Thông tư:

- Thông tư số 05/2022/TT-BGTVT ngày 25/5/2022 bãi bỏ một số quy định liên quan đến cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép của các Thông tư về vận tải đường bộ quốc tế do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành.

- Thông tư số 06/2022/TT-BGTVT ngày 27/5/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 36/2015/TT-BGTVT ngày 24/7/2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT quản lý giá dịch vụ vận chuyển hàng không nội địa và giá dịch vụ chuyên ngành hàng không.

- Thông tư số 07/2022/TT-BGTVT ngày 31/5/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 25/2018/TT-BGTVT ngày 14/5/2018 của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định về đường ngang và cấp giấy phép xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi đất dành cho đường sắt.

- Thông tư số 08/2022/TT-BGTVT ngày 16/6/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng hải.

- Thông tư số 10/2022/TT-BGTVT ngày 23/6/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 29/2018/TT-BGTVT ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về việc kiểm tra chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông đường sắt.

- Thông tư số 11/2022/TT-BGTVT ngày 29/6/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ Quy chế An toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay.

- Thông tư số 12/2022/TT-BGTVT ngày 30/6/2022 ban hành Danh mục sản phẩm, hàng hóa có khả năng gây mất an toàn thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Giao thông vận tải.

- Thông tư số 15/2022/TT-BGTVT ngày 23/6/2022 sửa đổi 1:2022 QCVN 89:2015/BGTVT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cơ sở đóng mới, hoán cải, sửa chữa phục hồi phương tiện thuỷ nội địa.

- Thông tư số 16/2022/TT-BGTVT ngày 30/6/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực Đăng kiểm.

3. Trong năm 2022, Bộ Giao thông vận tải đã tiếp tục rà soát, chủ động cắt giảm, đơn giản hóa các quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Giao thông vận tải, theo đó đã cắt giảm, đơn giản hóa 43/1.044 quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi quản lý, đạt 4.11%, bao gồm:

- Đơn giản hóa 30 thủ tục hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng theo hướng số hóa thành phần hồ sơ, bổ sung phương thức nộp trên môi trường điện tử, bổ sung việc trả kết quả trên môi trường điện tử để đảm bảo đủ điều kiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4; các thủ tục hành chính này đã được Bộ Giao thông vận tải chủ động sửa đổi tại Nghị định số 64/2022/NĐ-CP ngày 15/9/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng không dân dụng.

- Đơn giản hóa 09 thủ tục hành chính trong lĩnh vực hàng hải theo hướng số hóa thành phần hồ sơ, bổ sung phương thức nộp trên môi trường điện tử, bổ sung việc trả kết quả trên môi trường điện tử để đảm bảo đủ điều kiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4: các thủ tục hành chính này đã được Bộ Giao thông vận tải chủ động sửa đổi tại Nghị định số 69/2022/NĐ-CP ngày 23/9/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng hải.

- Đơn giản hóa 04 thủ tục hành chính trong lĩnh vực đăng kiểm theo hướng đơn giản hóa các thành phần hồ sơ để cắt giảm chi phí, thời gian cho người dân và doanh nghiệp. Các thủ tục hành chính này đã được Bộ Giao thông vận tải chủ động sửa đổi tại Thông tư số 16/2022/TT-BGTVT ngày 30/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

**III. Phương hướng nhiệm vụ trong thời gian tới**

Tiếp tục tổ chức nghiên cứu, rà soát các văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực giao thông vận tải và đề xuất đơn giản hóa, cắt giảm khi phát hiện những quy định không còn phù hợp hoặc khi có phản ánh, kiến nghị về các quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực giao thông vận tải.

Trên đây là báo cáo phương án cắt giảm, đơn giản hóa các quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Giao thông vận tải, Bộ Giao thông vận tải kính trình Thủ tướng Chính phủ./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Như trên;- Các Phó Thủ tướng Chính phủ;- VPCP: BTCN, các PCN, Cục KSTTHC;- Bộ trưởng (để b/c);- Các Thứ trưởng;- Các Vụ: KHCN, KCHTGT;- Văn phòng Bộ;- Tổng cục ĐBVN;- Các Cục: HK, HHVN, ĐKVN, ĐTNĐVN, ĐSVN;- Lưu: VT, PC. | KT. BỘ TRƯỞNG**THỨ TRƯỞNG****Nguyễn Danh Huy** |

**PHƯƠNG ÁN**

**Cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải năm 2023**

*(Kèm theo Báo cáo số: …../BC-BGTVT ngày / /2023)*

**PHẦN I. LĨNH VỰC ĐƯỜNG BỘ**

**I. Ngành nghề kinh doanh 1:** kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô.

Ngành nghề kinh doanh thuộc Danh mục ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện theo quy định tại Luật Đầu tư

**1. Quy định về điều kiện kinh doanh:**

**1.1. Điều kiện 1: về Phòng học Nghiệp vụ Vận tải ô tô**

**1.1.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa** *(nêu rõ nội dung cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc hủy bỏ)*

Bãi bỏ điều kiện về Phòng học Nghiệp vụ Vận tải ô tô quy định tại điểm e khoản 1 Điều 6 Nghị định số 65/2016/NĐ-CP.

Lý do: trên 80% số người học lái xe không có nhu cầu làm nghề kinh doanh vận tải. Trong khi, theo Thông tư 12/2020/TT-BGTVT ngày 29/5/2020 của Bộ Giao thông vận tải Quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ người lái xe khi tham gia lái xe kinh doanh vận tải phải được tập huấn về nghiệp vụ vận tải.

**1.1.2. Kiến nghị thực thi:** bãi bỏ điểm e khoản 1 Điều 6 Nghị định số 65/2016/NĐ-CP.

**1.1.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa**

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 150.000.000 đồng/năm

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 0

- Chi phí tiết kiệm: 150.000.000 đồng/năm

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100%

**1.2. Điều kiện 2: về Phòng học Thực tập bảo dưỡng sửa chữa:**

**1.2.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa** *(nêu rõ nội dung cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc hủy bỏ)*

Bãi bỏ điều kiện về Phòng học Thực tập bảo dưỡng sửa chữa quy định tại điểm g khoản 1 Điều 6 Nghị định số 65/2016/NĐ-CP.

Lý do: Khối lượng giảng dạy ít và nội dung giảng dạy tương đồng với nội dung giảng dạy của môn Cấu tạo và sửa chữa thông thường, nên tích hợp với môn Cấu tạo và sửa chữa thông thường, để giảm chi phí cho các cơ sở đào tạo.

**1.2.2. Kiến nghị thực thi:** bãi bỏ điểm g khoản 1 Điều 6 Nghị định số 65/2016/NĐ-CP.

**1.2.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa**

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 170.000.000 đồng/năm

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 0

- Chi phí tiết kiệm: 170.000.000 đồng/năm

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100%

**1.3. Điều kiện 3: về Phòng học Kỹ thuật lái xe**

**1.3.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa** *(nêu rõ nội dung cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc hủy bỏ)*

Bãi bỏ điều kiện về Phòng học Kỹ thuật lái xe quy định tại điểm d khoản 1 Điều 6 Nghị định số 65/2016/NĐ-CP (được sửa đổi tại điểm a khoản 2 Điều 1 Nghị định số 138/2018/NĐ-CP).

Lý do: Khối lượng giảng dạy ít và nội dung giảng dạy tương đồng với nội dung giảng dạy của môn Cấu tạo và sửa chữa thông thường, nên tích hợp với môn Cấu tạo và sửa chữa thông thường, để giảm chi phí cho các cơ sở đào tạo.

**1.3.2. Kiến nghị thực thi:** bãi bỏ điểm d khoản 1 Điều 6 Nghị định số 65/2016/NĐ-CP.

**1.3.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa**

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 399.978.000 đồng/năm

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 0

- Chi phí tiết kiệm: 399.978.000 đồng/năm

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100%

**2. Quy định về thủ tục hành chính:**

**2.1.** **Thủ tục hành chính 1**: Cấp giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe

**2.1.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa** *(nêu rõ nội dung cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc hủy bỏ)*

Phân cấp cho địa phương thực hiện toàn bộ thủ tục hành chính quy định tại điểm a khoản 2 Điều 8 và điểm b khoản 2 Điều 9 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 5 Điều 1 Nghị định số 138/2018/NĐ-CP)

Lý do: thực hiện Nghị Quyết số 04/NQ-CP.

**2.1.2. Kiến nghị thực thi** *(nêu rõ điều, khoản, điểm, văn bản QPPL cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc hủy bỏ): Bãi bỏ cụm từ “Cục ĐBVN” tại* điểm a khoản 2 Điều 8 và điểm b khoản 2 Điều 9 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 5 Điều 1 Nghị định số 138/2018/NĐ-CP)*.*

**2.1.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa**

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 763.113.582 đồng/năm

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 0 đồng/năm

- Chi phí tiết kiệm: 0 đồng/năm

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 0%

**2.2.** **Thủ tục hành chính 2**: Cấp lại giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe

**2.2.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa** *(nêu rõ nội dung cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc hủy bỏ)*

Phân cấp cho địa phương thực hiện toàn bộ thủ tục hành chính quy định tại điểm a khoản 2 Điều 8 và khoản 2 Điều 10

Lý do: thực hiện Nghị Quyết số 04/NQ-CP.

**2.2.2. Kiến nghị thực thi** *(nêu rõ điều, khoản, điểm, văn bản QPPL cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc hủy bỏ): Bãi bỏ cụm từ “Cục ĐBVN” tại* khoản 2 Điều 10*.*

**2.2.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa**

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 216.965.844 đồng/năm

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 0 đồng/năm

- Chi phí tiết kiệm: 0 đồng/năm

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 0%

**2.3. Thủ tục hành chính 3: Cấp giấy phép xe tập lái**

**2.3.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa** *(nêu rõ nội dung cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc hủy bỏ)*

Phân cấp cho địa phương thực hiện toàn bộ thủ tục hành chính quy định tại khoản 2 Điều 11 và điểm a và b khoản 2 Điều 12 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 2 Nghị định số 70/2022/NĐ-CP)

Lý do: thực hiện Nghị Quyết số 04/NQ-CP.

**2.3.2. Kiến nghị thực thi** *(nêu rõ điều, khoản, điểm, văn bản QPPL cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc hủy bỏ): Bãi bỏ cụm từ “Cục ĐBVN”* khoản 2 Điều 11 và điểm a và b khoản 2 Điều 12 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 2 Nghị định số 70/2022/NĐ-CP)*.*

**2.3.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa**

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 720.078.912 đồng/năm

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 0 đồng/năm

- Chi phí tiết kiệm: 0 đồng/năm

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 0%

**2.4. Thủ tục hành chính 4: Cấp lại giấy phép xe tập lái**

**2.4.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa** *(nêu rõ nội dung cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc hủy bỏ)*

Phân cấp cho địa phương thực hiện toàn bộ thủ tục hành chính quy định tại khoản 2 Điều 11 và điểm a và b khoản 2 Điều 12 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 2 Nghị định số 70/2022/NĐ-CP)

Lý do: thực hiện Nghị Quyết số 04/NQ-CP.

**2.4.2. Kiến nghị thực thi** *(nêu rõ điều, khoản, điểm, văn bản QPPL cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc hủy bỏ): Bãi bỏ cụm từ “Cục ĐBVN” tại* khoản 2 Điều 11 và điểm a và b khoản 2 Điều 12 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 2 Nghị định số 70/2022/NĐ-CP)*.*

**2.4.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa**

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 3.029.537.070 đồng/năm

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 0

- Chi phí tiết kiệm: 0 đồng/năm

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100%

**2.5. Thủ tục hành chính 5: Cấp giấy phép đào tạo lái xe**

**2.5.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa** *(nêu rõ nội dung cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc hủy bỏ)*

Phân cấp cho địa phương thực hiện toàn bộ thủ tục hành chính quy định tại điểm a khoản 3 Điều 13 và điểm b và c khoản 2 Điều 14 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 2 Nghị định số 70/2022/NĐ-CP)

Lý do: thực hiện Nghị Quyết số 04/NQ-CP.

**2.5.2. Kiến nghị thực thi** *(nêu rõ điều, khoản, điểm, văn bản QPPL cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc hủy bỏ): Bãi bỏ cụm từ “Cục ĐBVN” tại* điểm a khoản 3 Điều 13 và điểm b và c khoản 2 Điều 14 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 2 Nghị định số 70/2022/NĐ-CP)*.*

**2.5.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa**

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 399.780.000 đồng/năm

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 0 đồng/năm

- Chi phí tiết kiệm: 0 đồng/năm

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 0%

**2.6. Thủ tục hành chính 6: Cấp lại giấy phép đào tạo lái xe khi** điều chỉnh hạng xe đào tạo, lưu lượng đào tạo

**2.6.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa** *(nêu rõ nội dung cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc hủy bỏ)*

Phân cấp cho địa phương thực hiện toàn bộ thủ tục hành chính quy định tại điểm a khoản 3 Điều 13 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 2 Nghị định số 70/2022/NĐ-CP)

Lý do: thực hiện Nghị Quyết số 04/NQ-CP.

**2.6.2. Kiến nghị thực thi** *(nêu rõ điều, khoản, điểm, văn bản QPPL cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc hủy bỏ): Bãi bỏ cụm từ “Cục ĐBVN” tại* điểm a khoản 3 Điều 13 và điểm b và c khoản 2 Điều 14 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 2 Nghị định số 70/2022/NĐ-CP)*.*

**2.6.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa**

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 14.725.116 đồng/năm

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 0 đồng/năm

- Chi phí tiết kiệm: 20.000.000 đồng/năm

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100%

**2.7. Thủ tục hành chính 7: Cấp lại giấy phép đào tạo lái xe khi** bị mất, bị hỏng, có sự thay đổi liên quan đến nội dung khác

**2.7.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa** *(nêu rõ nội dung cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc hủy bỏ)*

Phân cấp cho địa phương thực hiện toàn bộ thủ tục hành chính quy định tại điểm a khoản 3 Điều 13 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 2 Nghị định số 70/2022/NĐ-CP)

Lý do: thực hiện Nghị Quyết số 04/NQ-CP.

**2.7.2. Kiến nghị thực thi** *(nêu rõ điều, khoản, điểm, văn bản QPPL cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc hủy bỏ): Bãi bỏ cụm từ “Cục ĐBVN” tại* điểm a khoản 3 Điều 13 và điểm b và c khoản 2 Điều 14 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 2 Nghị định số 70/2022/NĐ-CP)*.*

**2.7.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa**

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 518.490 đồng/năm

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 0

- Chi phí tiết kiệm: 0 đồng/năm

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 0%

**2.8. Thủ tục hành chính 8:** **Chấp thuận bố trí mặt bằng tổng thể hình sát hạch trung tâm sát hạch loại 1, loại 2**

**2.8.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa** *(nêu rõ nội dung cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc hủy bỏ)*

Phân cấp cho địa phương thực hiện toàn bộ thủ tục hành chính quy định tại khoản 2 Điều 20 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 2 Nghị định số 70/2022/NĐ-CP)

Lý do: thực hiện Nghị Quyết số 04/NQ-CP.

**2.8.2. Kiến nghị thực thi** *(nêu rõ điều, khoản, điểm, văn bản QPPL cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc hủy bỏ): Thay thế cụm từ “Cục ĐBVN” thành cụm từ “Sở GTVT”* quy định tại khoản 2 Điều 20 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 2 Nghị định số 70/2022/NĐ-CP)*.*

**2.8.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa**

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 725.886 đồng/năm

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 592.004 đồng/năm

- Chi phí tiết kiệm: 133.882 đồng/năm

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 80%

**2.9. Thủ tục hành chính 9:** **Thủ tục cấp giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe loại 1, loại 2 đủ điều kiện hoạt động**

**2.9.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa** *(nêu rõ nội dung cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc hủy bỏ)*

Phân cấp cho địa phương thực hiện toàn bộ thủ tục hành chính quy định tại khoản 2 Điều 21 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 2 Nghị định số 70/2022/NĐ-CP)

Lý do: thực hiện Nghị Quyết số 04/NQ-CP.

**2.9.2. Kiến nghị thực thi** *(nêu rõ điều, khoản, điểm, văn bản QPPL cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc hủy bỏ): Thay thế cụm từ “Cục ĐBVN” thành cụm từ “Sở GTVT”* quy định tại khoản 3 Điều 19 và khoản 2 Điều 21 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 2 Nghị định số 70/2022/NĐ-CP)*.*

**2.9.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa**

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 829.584 đồng/năm

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 695.702 đồng/năm

- Chi phí tiết kiệm: 133.882 đồng/năm

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 83%

**2.10. Thủ tục hành chính 10: Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe loại 1, loại 2 đủ điều kiện hoạt động**

**2.10.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa** *(nêu rõ nội dung cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc hủy bỏ)*

Phân cấp cho địa phương thực hiện toàn bộ thủ tục hành chính quy định tại điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 23 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 2 Nghị định số 70/2022/NĐ-CP)

Lý do: thực hiện Nghị Quyết số 04/NQ-CP.

**2.10.2. Kiến nghị thực thi** *(nêu rõ điều, khoản, điểm, văn bản QPPL cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc hủy bỏ): Thay thế cụm từ “Cục ĐBVN” thành cụm từ “Sở GTVT”* quy định tại khoản 3 Điều 19 và điểm b khoản 1 Điều 23 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 2 Nghị định số 70/2022/NĐ-CP)*.*

**2.10.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa**

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 13.065.948 đồng/năm

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 12.932.066 đồng/năm

- Chi phí tiết kiệm: 133.882 đồng/năm

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 98%

**2.11. Thủ tục hành chính 11: Cấp Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Trung Quốc loại D cho phương tiện của Trung Quốc**

**2.11.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa** *(nêu rõ nội dung cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc hủy bỏ)*

Phân cấp cho địa phương thực hiện toàn bộ thủ tục hành chính quy định tại khoản 3 Điều 19 Nghị định số 119/2021/NĐ-CP

Lý do: thực hiện Nghị Quyết số 04/NQ-CP.

**2.11.2. Kiến nghị thực thi** *(nêu rõ điều, khoản, điểm, văn bản QPPL cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc hủy bỏ): Thay thế cụm từ “Cục ĐBVN” thành cụm từ “Sở GTVT”* quy định tại khoản 3 Điều 19 Nghị định số 119/2021/NĐ-CP*.*

**2.11.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa**

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 88.884.000 đồng/năm

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 39.759.000 đồng/năm

- Chi phí tiết kiệm: 49.125.000 đồng/năm

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 44%

**PHẦN II. LĨNH VỰC ĐĂNG KIỂM**

**I. Ngành nghề kinh doanh 1: Đóng mới, hoán cải, sửa chữa tàu biển**

**1. Điều kiện 1: Điều kiện về cán bộ kỹ thuật, kiểm tra chất lượng và thợ đóng tàu**

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Đơn giản điều kiện về nhân lực đối với cơ sở đóng tàu theo hướng giảm khoảng 25% số lượng cán bộ kỹ thuật

Lý do: Hiện nay có nhiều phần mềm hỗ trợ nên có thể giảm số lượng cán bộ kỹ thuật để tạo thuận lợi cho doanh nghiệp khi tham gia hoạt động kinh doanh này.

- Giảm số lượng hệ thống quản lý phải áp dụng: Chỉ phải áp dụng ISO 9001 hoặc tương đương, miễn áp dụng ISO 14001 hoặc tương đương.

Lý do: Việc tuân thủ các quy định về môi trường đã được điều chỉnh bằng các quy định phát luật cụ thể.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi Nghị định số 111/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh dịch vụ đóng mới, hoán cải, sửa chữa tàu biển (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 147/2018/NĐ-CP ngày 24/10/2018)

- Lộ trình thực hiện: 2022 - 2025.

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 50.000.000 đồng/năm

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 37.500.000 đồng/năm

- Chi phí tiết kiệm: 12.500.000 đồng/năm

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 25%

**II. Một số thủ tục hành chính khác liên quan đến hoạt động kinh doanh**

**1. Thủ tục hành chính 1**: “Đánh giá, cấp giấy chứng nhận quản lý an toàn cho tàu biển theo Bộ luật quản lý an toàn quốc tế cho tàu biển (Bộ luật ISM)” (Mã: 1.000026)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Đơn giản hóa thủ tục hành chính theo hướng bỏ quy định thời hạn không quá ba năm đối với hạn hiệu lực Giấy chứng nhận SMC.

Lý do: thời hạn Giấy chứng nhận quốc tế về an ninh tàu biển được cấp có thời hạn đồng bộ với Giấy chứng nhận quản lý an toàn cho tàu biển theo Bộ luật ISM.

b) Kiến nghị thực thi:

*-* Sửa đổi Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia 71:2013/BGTVT ban hành bởi Thông tư 48/2013/TT-BGTVT ngày 6/12/2013 ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quản lý an toàn và ngăn ngừa ô nhiễm trong khai thác tàu biển.

- Lộ trình thực hiện: 2022 - 2025.

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 7.600.000 đồng/năm

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 4.560.000 đồng/năm

- Chi phí tiết kiệm: 3.040.000 đồng/năm

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 40%

**2. Thủ tục hành chính 2**: Cấp giấy chứng nhận quốc tế về an ninh tàu biển theo Bộ luật quốc tế về an ninh tàu biển và cảng biển (Bộ luật ISPS) (Mã: 1.004296)

- Đơn giản hóa thủ tục hành chính theo hướng bỏ quy định thời hạn không quá ba năm đối với hạn hiệu lực Giấy chứng nhận SMC.

Lý do: thời hạn Giấy chứng nhận quốc tế về an ninh tàu biển được cấp có thời hạn đồng bộ với Giấy chứng nhận quản lý an toàn cho tàu biển theo Bộ luật ISM.

b) Kiến nghị thực thi:

*-* Sửa đổi Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia 71:2013/BGTVT ban hành bởi Thông tư 48/2013/TT-BGTVT ngày 6/12/2013 ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quản lý an toàn và ngăn ngừa ô nhiễm trong khai thác tàu biển.

- Lộ trình thực hiện: 2022 - 2025.

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 6.666.667 đồng/năm

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 4.000.000 đồng/năm

- Chi phí tiết kiệm: 2.666.667 đồng/năm

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 40%

**III. Chế độ báo cáo liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực đăng kiểm**

**1. Chế độ báo cáo 1: Báo cáo danh sách ô tô hết niên hạn, báo cáo danh sách ô tô sắp hết niên hạn**

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Đơn giản hóa chế độ báo cáo theo hướng không yêu cầu báo cáo danh sách ô tô sắp hết niên hạn, chỉ yêu cầu báo cáo danh sách ô tô hết niên hạn

Lý do: đơn giản hóa các báo cáo để tiết kiệm thời gian, chi phí cho tổ chức thực hiện chế độ báo cáo

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi Thông tư số 16/2021/TT-BGTVT ngày 12/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo về môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ.

- Lộ trình thực hiện: 2022 - 2025.

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 191.000.000 đồng/năm

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 0 đồng/năm

- Chi phí tiết kiệm: 191.000.000 đồng/năm

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100%

**PHẦN III. LĨNH VỰC ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA**

**1. Thủ tục hành chính 1**: Phê duyệt kế hoạch an ninh và cấp giấy chứng nhận phù hợp an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài (Mã 1.003570)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Đơn giản hóa thủ tục hành chính theo hướng đề nghị giảm bớt số lượng bộ hồ sơ phải nộp khi thực hiện thủ tục hành chính từ 03 bộ xuống còn 02 bộ

Lý do: giảm số bộ hồ sơ khi thực hiện thủ tục hành chính nhằm cắt giảm chi phí tuân thủ cho người dân, doanh nghiệp.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/1/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2023 - 2025.

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 15.260.196 đồng/năm

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 14.988.697 đồng/năm

- Chi phí tiết kiệm: 271.499 đồng/năm

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 1,84%

**2.** **Thủ tục hành chính 2**: Xác nhận hàng năm Giấy chứng nhận phù hợp an ninh cảng thủy nội địa (Mã 1.004137)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Đơn giản hóa thủ tục hành chính theo hướng đề nghị giảm bớt số lượng bộ hồ sơ phải nộp khi thực hiện thủ tục hành chính từ 03 bộ xuống còn 02 bộ

Lý do: giảm số bộ hồ sơ khi thực hiện thủ tục hành chính nhằm cắt giảm chi phí tuân thủ cho người dân, doanh nghiệp.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/1/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2023 - 2025.

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 60.902.937 đồng/năm

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 56.830.460 đồng/năm

- Chi phí tiết kiệm: 4.072.477 đồng/năm

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 7,62%.

**3.** **Thủ tục hành chính 3**: Phê duyệt đánh giá an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài (Mã 1.004239)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Đơn giản hóa thủ tục hành chính theo hướng đề nghị giảm bớt số lượng bộ hồ sơ phải nộp khi thực hiện thủ tục hành chính từ 03 bộ xuống còn 02 bộ

Lý do: giảm số bộ hồ sơ khi thực hiện thủ tục hành chính nhằm cắt giảm chi phí tuân thủ cho người dân, doanh nghiệp.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/1/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2023 - 2025.

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 12.260.196 đồng/năm

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 11.988.697 đồng/năm

- Chi phí tiết kiệm: 271.499 đồng/năm

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 2,21%.

**4.** **Thủ tục hành chính 4**: Đổi tên cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu (Mã 1.009443)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Đơn giản hóa thủ tục hành chính theo hướng thời gian giải quyết thủ tục hành chính từ 05 ngày làm việc xuống còn 03 ngày làm việc.

Lý do: giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính nhằm cắt giảm chi phí tuân thủ, tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/1/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2023 - 2025.

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 385.164 đồng/năm

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 385.164 đồng/năm

- Chi phí tiết kiệm: 0 đồng/năm

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 0 %.

**5.** **Thủ tục hành chính 5**: Gia hạn hoạt động cảng, bến thủy nội địa (Mã 1.009444)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Đơn giản hóa thủ tục hành chính theo hướng thời gian giải quyết thủ tục hành chính từ 05 ngày làm việc xuống còn 03 ngày làm việc.

Lý do: giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính nhằm cắt giảm chi phí tuân thủ, tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/1/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2023 - 2025.

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 6.814.440 đồng/năm

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 6.814.440 đồng/năm

- Chi phí tiết kiệm: 0 đồng/năm

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 0 %.

**6.** **Thủ tục hành chính 6**: Thiết lập khu neo đậu (Mã 1.009448)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Đơn giản hóa thành phần hồ sơ theo hướng không yêu cầu nộp *"Bản sao văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư của cơ quan có thẩm quyền".*

Lý do: Hiện nay, theo quy định của pháp luật về đầu tư, việc thiết lập khu neo đậu không yêu cầu thực hiện thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư, do vậy, kiến nghị bỏ thành phần hồ sơ này nhằm tạo điều kiện cho người dân và doanh nghiệp có thể thực hiện hoạt động đầu tư, tránh bất cập trong việc xin chủ trương đầu tư.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/1/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2023 - 2025.

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 5.149.383 đồng/năm

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 3.063.389 đồng/năm

- Chi phí tiết kiệm: 2.085.994 đồng/năm

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 40,51%.

1. 05 Thông tư bao gồm:

 - Thông tư số 24/2020/TT-BGTVT ngày 13/10/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về chế độ báo cáo định kỳ trong lĩnh vực đường sắt

- Thông tư số 26/2020/TT-BGTVT ngày 16/10/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về chế độ báo cáo định kỳ trong lĩnh vực đăng kiểm

- Thông tư số 28/2020/TT-BGTVT ngày 29/10/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về chế độ báo cáo định kỳ trong lĩnh vực hàng không

- Thông tư số 34/2020/TT-BGTVT ngày 23/12/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về chế độ báo cáo định kỳ trong lĩnh vực hàng hải

- Thông tư số 36/2020/TT-BGTVT ngày 24/12/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về chế độ báo cáo định kỳ trong lĩnh vực đường bộ [↑](#footnote-ref-1)